

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HC-ST
Ngày 08 - 11 - 2018
V/v “Yêu cầu hủy GCNQSDĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Phạm Văn Biệt**
Bà **Lê Thị Hoàng Yến**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Minh Đức** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST-HC ngày 22 tháng 6 năm 2018, về việc “*Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST-HC ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Vũ Như H**, Luật sư: Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã H;

Ông **Lê Bá T**, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã H (Văn bản ủy quyền số 2495/GUQ-UBND ngày 06/8/2018): Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông **Mai Hồng H**: Có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Võ Văn T**; sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa: Vắng mặt.

2. Ông **Võ Văn Th**, bà **Trần Thị M**; Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa: Vắng mặt.

3. Ông **Lê Văn H**, bà **Bùi Thị Thanh P**; Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa: Vắng mặt.

4. Ông **Lê Hoài L**, bà **Lê Thị Mỹ T**; Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa: Vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân xã T;

Ông **Phạm Quốc A**, Công chức địa chính – xây dựng là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 8 năm 2018): Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 27 tháng 02 năm 1998, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện H (nay là thị xã H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01527/QSDĐ/NT-NH cho ông Võ Văn T (sinh năm 1971) đối với các thửa đất số 325, 143, 207 tờ bản đồ số 25, thửa số 926 tờ bản đồ số 20 và các thửa đất số 139, 146 tờ bản đồ số 24 bản đồ địa chính xã T (sau đây gọi là Giấy chứng nhận 01527).

Ngày 15 tháng 11 năm 2004, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 592565, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01803/QSDĐ/5110519 đối với các thửa đất số 325, 143, 207 tờ bản đồ số 25, thửa số 926 tờ bản đồ số 20 và các thửa đất số 139, 146 tờ bản đồ số 24 bản đồ địa chính xã T cho ông Võ Văn Th và bà Trần Thị M.

Ngày 05 tháng 12 năm 2005, UBND huyện H cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 261312, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01839/QSDĐ/5110519; số AD 261313, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01840/QSDĐ/5110519; số AD 261314, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01841/QSDĐ/5110519 đối với các thửa đất số 906, 907, 908 tờ bản đồ số 25 cho ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M;

Ngày 18 tháng 9 năm 2009 và ngày 20 tháng 7 năm 2012, UBND huyện H cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 620575, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02226 và BK 493763, Số vào sổ cấp GCN: CH00596 đối với thửa đất số 908, 907 tờ bản đồ số 25 cho ông Lê Văn H và bà Bùi Thị Thanh P.

Ngày 12 tháng 12 năm 2014, UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 789445 Số vào sổ cấp GCN: CH01107 đối với thửa đất số 906 ngày 12/12/2014 tờ bản đồ số 25 cho ông Lê Hoài L và bà Lê Thị Mỹ T;

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, ông Võ Văn T (sinh năm 1964) có đơn khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận 01527 đối với thửa đất số 325.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, UBND thị xã H có Văn bản số 1392/UBND về việc trả lời đơn đề ngày 14/3/2018 của ông Võ Văn T (sinh năm 1964).

Ngày 16 tháng 5 và ngày 5 tháng 6 năm 2018, ông Võ Văn T (sinh năm 1964) có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận 01527 đối với thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25. Kèm theo đơn khởi kiện, ông Võ Văn T (sinh năm 1964) giao nộp các bản sao Thông báo số 72/TB-UBND ngày 25/12/2017 của UBND xã T, Văn bản số 1849/TNMT ngày 28/11/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H, Công văn số 1769/CNNH ngày

13/10/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh H, Phiếu yêu cầu cung cấp dịch vụ đo vẽ, Phiếu hướng dẫn, Phiếu cung cấp thông tin, Sơ đồ thửa đất, Văn tự đoạn mãi bất động sản; Các bản photo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, chứng minh nhân dân.

Quá trình tham gia tố tụng, ông Võ Văn T (sinh năm 1964) còn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M đối với thửa đất số 325, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho các ông, bà Võ Văn Th, Trần Thị M, Lê Văn H, Bùi Thị Thanh P, Lê Hoài L, Lê Thị Mỹ T đối với các thửa đất số 906, 907, 908 tờ bản đồ số 25.

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 bản đồ địa chính xã T, thị xã H là đất của Võ T (cha của ông T, sinh năm 1964) nhận chuyển nhượng từ năm 1973 (theo Văn tự đoạn mãi bất động sản lập ngày 30/11/1973) đã được gia đình ông T (sinh năm 1964) sử dụng liên tục từ khi nhận chuyển nhượng đến nay. Ngày 05/9/2017, ông T (sinh năm 1964) làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nhận được Thông báo số 72/TB-UBND ngày 25/12/2017 của UBND xã T (kèm theo Văn bản số 1849/TNMT ngày 28/11/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H) với nội dung: Thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 xã T “*đã được UBND huyện (nay là thị xã) H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Văn T (sinh năm 1971) và đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án...*”. Nay UBND thị xã H còn xác định đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M đối với thửa đất số 325 (do ông Th, bà M nhận chuyển nhượng của ông T sinh năm 1971), thực hiện việc tách thửa 325 thành các thửa 906, 907, 908 (theo yêu cầu của ông Th) và cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 906, 907, 908 cho vợ chồng ông Th, bà M, vợ chồng ông Lê Văn H, bà Bùi Thị Thanh P, vợ chồng ông Lê Hoài L, bà Lê Thị Mỹ T. Việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên đối với các thửa đất số 325, 906, 907, 908 trong khi gia đình ông Võ Văn T (sinh năm 1964) vẫn đang sử dụng ổn định thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 và không có tranh chấp với ai là không đúng pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị xét xử vắng mặt người bị kiện và trình bày:

Ngày 10/7/1997, Võ Văn T (sinh năm 1971) có đơn kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 325, 143, 207 tờ bản đồ số 25; thửa số 926 tờ bản đồ số 20; thửa số 139, 146 tờ bản đồ số 24 bản đồ địa chính xã Thân và được UBND huyện (nay là thị xã) H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất I 813652, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01527 QSDĐ/NT-NH ngày 27/02/1998 đối với các thửa đất trên. Theo trình bày của UBND xã T tại tờ trình 124/TTr-UBND ngày 02/10/2017, ông Võ Văn T

(sinh năm 1964) quản lý, sử dụng thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25, ông Võ Văn T (sinh năm 1971) quản lý, sử dụng thửa đất số 399 tờ bản đồ số 25. Do có nhầm lẫn trong quá trình lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn T (sinh năm 1971), hồ sơ thể hiện thửa đất ông Võ Văn T (sinh năm 1971) sử dụng và đăng ký cấp giấy chứng nhận là thửa đất số 325 nên UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đối với thửa đất số 325 cho ông T (sinh năm 1971). Trên thực tế, ông Võ Văn T (sinh năm 1971) sử dụng và đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M thửa đất số 399; Sau đó vợ chồng ông Th xin tách thành các thửa 906, 907, 908 và tiếp tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Văn H, bà Bùi Thị Thanh P và vợ chồng ông Lê Hoài L, bà Lê Thị Mỹ T. Do có nhầm lẫn trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 325 cho ông T (sinh năm 1971) nên các giấy tờ chuyển nhượng và hồ sơ địa chính đều thể hiện thửa đất ông T (sinh năm 1971) chuyển nhượng cho ông Th, bà M và sau đó ông Th xin tách thửa là thửa số 325. Theo các giấy tờ, hồ sơ đó, UBND huyện H, sau này là UBND thị xã H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 592565, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01803 QSĐĐ/5110519 đối với thửa số 325 tờ bản đồ số 25, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 261312, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01839/QSĐĐ/5110519; số AD 261313, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01840/QSĐĐ/5110519; số AD 261314, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01841/QSĐĐ/5110519 đối với các thửa đất số 906, 907, 908 tờ bản đồ số 25 cho ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 789445 Sổ vào sổ cấp GCN: CH01107 ngày 12/12/2014 cho ông Lê Hoài L và bà Lê Thị Mỹ T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BK 493763, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00596 và số A0 620575, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02226 cho ông Lê Văn H và bà Bùi Thị Thanh P.

Trên thực tế, ông Võ Văn T (sinh năm 1964) là người sử dụng ổn định, không có tranh chấp đối với thửa số 325, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn T (sinh năm 1971), sau đó là cấp cho ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M đối với thửa đất số 325 và việc tách thửa, cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà Võ Văn Th, Trần Thị M, Lê Văn H, Bùi Thị Thanh P, Lê Hoài L, Lê Thị Mỹ T đối với các thửa đất số 906, 907, 908 là không đúng đối tượng sử dụng đất nên UBND thị xã H hoàn toàn đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện. Tuy nhiên, trên hồ sơ pháp lý, thửa đất số 325 đã được chuyển nhượng qua nhiều người, theo quy định tại Khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND thị xã H chỉ thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Võ Văn T (sinh năm 1971) khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nên UBND thị xã H không tự hủy các Giấy chứng nhận nói trên và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng, ông Võ Văn T (sinh năm 1971) trình bày:

Ông được UBND thị xã H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01527 ngày 27/02/1998 (trong đó có thửa đất số 325 tại thôn N, xã T, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa) nhưng thực tế ông không sử dụng thửa đất số 325, tờ bản đồ số 25, không liên quan gì đến thửa đất này. Trước đây ông có sử dụng thửa đất có vị trí khác với vị trí thửa số 325 nhưng đến năm 1998, ông không sử dụng nữa thì vợ, chồng ông Võ Văn Th tiếp tục sử dụng. Sau đó, ông Võ Văn Th đã chuyển nhượng đất này cho người khác.

Ông Võ Văn Th trình bày: Ông có nhận chuyển nhượng từ ông Võ Văn T (sinh năm 1971) thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 tại thôn N, xã T, thị xã H (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Sau đó, vợ chồng ông xin tách thửa đất trên thành các thửa 906, 907, 908 và đã chuyển nhượng đất này cho người khác nên đến nay vợ chồng ông không còn liên quan gì đến đất nói trên.

Ông Lê Văn H và bà Bùi Thị Thanh P trình bày: Ông, bà nhận chuyển nhượng các thửa đất số 907, 908 tại thôn N, xã T, thị xã H của ông Võ Văn Th và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này. Vị trí đất ông, bà nhận chuyển nhượng khác với vị trí đất ông Võ Văn T (sinh năm 1964) sử dụng. Ông, bà và ông Võ Văn T (sinh năm 1964) không có tranh chấp. Theo hồ sơ địa chính, thửa đất ông, bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 907, 908 được tách từ thửa số 325. Nay UBND xã T và UBND thị xã H xác định số thửa đất ông, bà đang sử dụng thể hiện trên hồ sơ địa chính là có sự nhầm lẫn, thửa đất ông, bà nhận chuyển nhượng trên thực tế có nguồn gốc là thửa số 399 (không phải thửa số 325) nên ông, bà đồng ý với yêu cầu của ông Võ Văn T (sinh năm 1964).

Ông Lê Hoài L trình bày: Vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn Th thửa đất số 906 tại thôn N, xã T, thị xã H và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Nay UBND xã T và UBND thị xã H xác định hồ sơ địa chính bị nhầm lẫn nên việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông không đúng với vị trí thửa đất trên thực tế nên ông đồng ý với yêu cầu của ông Võ Văn T (sinh năm 1964).

Đại diện UBND xã T trình bày: Vào thời điểm năm 1997 khi ông Võ Văn T (sinh năm 1971) đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP điền sẵn số thửa vào Đơn kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông T (sinh năm 1971) ký tên vào đơn nên ông T (sinh năm 1971) không biết số thửa thực tế của thửa đất mà mình đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thực tế, ông T (sinh năm 1971) sử dụng thửa đất số 399 tờ bản đồ số 25, ông Võ Văn T (sinh năm 1964) sử dụng thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25, khi lập hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn T (sinh năm 1971) Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi vào Đơn kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T (sinh năm 1971) thửa đất số 325 là có sự nhầm lẫn. Vì vậy, ngày 27/02/1998, UBND thị xã H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T (sinh năm 1971)

đối với thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 xã T. Từ sự nhầm lẫn trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên nên khi ông Võ Văn T (sinh năm 1971) chuyển quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Th thửa đất 399 và ông Th chuyển nhượng đất này cho người khác thì trên các giấy tờ chuyển nhượng, hồ sơ địa chính đều thể hiện thửa đất chuyển nhượng là số thửa 325. Hiện nay, trên hồ sơ địa chính thể hiện thửa số 325 tờ bản đồ số 25 đã được tách thành 03 thửa mới là 906, 907, 908. Thực tế, thửa đất số 325 do ông Võ văn T, sinh năm 1964 sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Bà Trần Thị M và bà Lê Thị Mỹ T đã nhiều lần được triệu tập nhưng không đến tòa tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại nhưng các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho là: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Do có sự nhầm lẫn, việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự không đúng với số thửa đất họ thực tế sử dụng nên yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M, ông Lê Văn H, bà Bùi Thị Thanh P, ông Lê Hoài L, bà Lê Thị Mỹ T đối với các thửa đất số 906, 907, 908 là chính đáng, có cơ sở để chấp nhận. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 325 đã cấp cho ông Võ Văn T (sinh năm 1971) và vợ chồng ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M không còn hiệu lực trên thực tế nên yêu cầu hủy các giấy chứng nhận này không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Võ Văn T - sinh năm 1971, Võ Văn Th, Trần Thị M, Lê Văn H, Bùi Thị Thanh P, Lê Hoài L, Lê Thị Mỹ T) theo quy định của Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính về quản lý đất đai nên yêu cầu của người khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Ông Võ Văn T (sinh năm 1964) biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01527 QSDĐ/NT-NH do UBND huyện H cấp cho ông Võ Văn T

(sinh năm 1971) đối với thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 sau khi nhận được Thông báo số 72/TB-UBND ngày 25/12/2017 của UBND xã T; Quá trình tham gia tố tụng, ông Võ Văn T (sinh năm 1964) mới biết được các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác do UBND thị xã H cấp cho các ông, bà Võ Văn Th, Trần Thị M, Lê Văn H, Bùi Thị Thanh P, Lê Hoài L, Lê Thị Mỹ T. Vì vậy, đơn khởi kiện ngày 16/5/2018 cũng như yêu cầu khởi kiện bổ sung trong quá trình tham gia tố tụng của người khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] *Về nội dung*: Các bên đương sự đều xác nhận ông Võ Văn T (sinh năm 1964) là người sử dụng ổn định, không có tranh chấp đối với thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 xã T, thị xã H; Thửa đất ông Võ Văn T (sinh năm 1971) sử dụng trên thực tế và đã chuyển quyền sử dụng cho ông Võ Văn Th, hiện nay các ông, bà Lê Văn H, bà Bùi Thị Thanh P, Lê Hoài L, Lê Thị Mỹ T đang sử dụng do nhận chuyển nhượng từ ông Th là thửa đất số 399, không phải thửa số 325 tờ bản đồ số 25. Vì vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn T, ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M đối với thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 cũng như việc tách thửa đất số 325 thành 03 thửa mới (906, 907, 908) và việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà Võ Văn Th, Trần Thị M, Lê Văn H, Bùi Thị Thanh P, Lê Hoài L, Lê Thị Mỹ T đối với các thửa số 906, 907, 908 là không đúng đối tượng sử dụng đất, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai, Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính,

Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn T (sinh năm 1964),

Hủy nội dung công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Võ Văn T (sinh năm 1971) tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01527/QSDĐ/NT-NH ngày 27/02/1998;

Hủy nội dung công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 325 tờ bản đồ số 25 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Võ Văn Th và bà Trần Thị M tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 592565, Sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 01803/QSDĐ/5110519 ngày 25/11/2004;

Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 261312, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01839/QSDĐ/5110519 ngày

05/12/2005, số AD 261313, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01840/QSDD/5110519 ngày 05/12/2005, số AD 261314, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01841/QSDD/5110519 ngày 05/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho ông Võ Văn Th, bà Trần Thị M;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 789445 Sổ vào sổ cấp GCN: CH01107 ngày 12/12/2014 do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp cho ông Lê Hoài L và bà Lê Thị Mỹ T;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BK 493763, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00596 do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 20/7/2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 620575, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H02226 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 18/9/2009 cho ông Lê Văn H và bà Bùi Thị Thanh P.

2. Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Ủy ban nhân dân thị xã H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn cho ông Võ Văn T (sinh năm 1964) 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000594 ngày 22/6/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15, kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Nghĩa

